

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ nút giao Đông Xuân
đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 phê duyệt dự án Đường từ nút giao Đông Xuân đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến; số 3820/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 phê duyệt điều chỉnh kiểu nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ 45 tại Km67+750 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công cấp huyện bàn giao về cấp tỉnh quản lý sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về điều chỉnh chủ đầu tư 05 Tiểu dự án giải phóng mặt bằng do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 189/TTr-SXD ngày 29/5/2026 phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ nút giao Đông Xuân đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến (kèm theo báo cáo thẩm định số 5697/SXD-HĐXD ngày 29/5/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường từ nút giao Đông Xuân đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng: Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng do thay đổi địa giới hành chính cấp xã; cụ thể:

- Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*Thuộc địa phận các xã Đông Thanh, Đông Tiến và thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa*” thành “*Thuộc địa phận các phường: Đông Sơn, Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa*”.

- Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm của điểm đầu, điểm cuối dự án tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Điểm đầu: Từ “*Điểm đầu thuộc địa phận xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn*” thành “*Điểm đầu thuộc địa phận phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa*”.

+ Điểm cuối: Từ “*Điểm cuối thuộc địa phận xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn*” thành “*Điểm cuối thuộc địa phận phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa*”.

2. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là: **818.000.000.000 đồng** (*Tám trăm mười tám tỷ đồng*). Trong đó:

Đơn vị: Nghìn đồng.

STT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường GPMB	216.445.000	216.445.000	0
1.1	<i>Đoạn qua phường Đông Tiến</i>	216.445.000	203.755.000	
1.2	<i>Đoạn qua phường Đông Sơn</i>		12.690.000	
2	Chi phí xây dựng	484.228.597	484.228.597	
3	Chi phí quản lý dự án	6.136.497	6.136.497	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	21.344.568	21.344.568	
5	Chi phí khác	12.975.486	12.975.486	
6	Chi phí dự phòng	76.869.852	76.869.852	
Tổng mức đầu tư		818.000.000	818.000.000	0

(Chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024, số 3820/QĐ-UBND ngày

23/9/2024 và số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư phần xây dựng), Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (đơn vị quản lý dự án), UBND các phường: Đông Sơn và Đông Tiến (Chủ đầu tư các Tiểu dự án giải phóng mặt bằng) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng, Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, UBND các phường: Đông Sơn và Đông Tiến chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

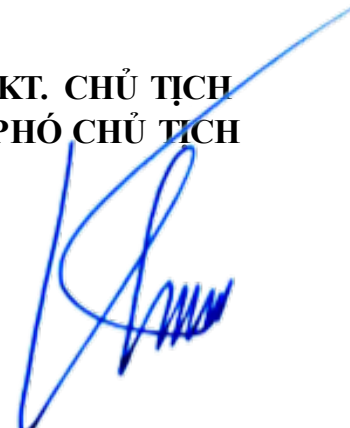
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các phường: Đông Sơn và Đông Tiến; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án Đường từ nút giao Đông Xuân đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	216.445.000.000	216.445.000.000	0
1	Đoạn qua Phường Đông Sơn	216.445.000.000	12.690.000.000	0
2	Đoạn qua Phường Đông Tiến		203.755.000.000	0
II	Chi phí xây dựng	484.228.597.000	484.228.597.000	0
III	Chi phí Quản lý dự án	6.136.497.000	6.136.497.000	0
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	21.344.568.000	21.344.568.000	0
1	Chi phí lập nhiệm vụ và giám sát công tác khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	86.596.000	86.596.000	0
2	Chi phí khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; lập hồ sơ thiết kế và thi công cấm cọc GPMB, mốc lộ giới	2.650.000.000	2.650.000.000	0
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	195.200.000	195.200.000	0
4	Chi phí khảo sát bước bản vẽ thi công	4.630.419.000	4.630.419.000	0
5	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	138.913.000	138.913.000	0
6	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	153.477.000	153.477.000	0
7	Chi phí thiết kế bước BVTC	4.977.870.000	4.977.870.000	0
8	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	285.695.000	285.695.000	0

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
9	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	266.326.000	266.326.000	0
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	143.355.000	143.355.000	0
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu Tư vấn (khảo sát, thiết kế, giám sát, kiểm toán)	45.404.000	45.404.000	0
12	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	100.000.000	100.000.000	0
13	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT các gói thầu Tư vấn (khảo sát, thiết kế, giám sát, kiểm toán)	13.635.000	13.635.000	0
14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	5.118.296.000	5.118.296.000	0
15	Chi phí khảo sát, lập phương án RPBM, vật nổ	14.476.000	14.476.000	0
16	Chi phí giám sát công tác RPBM, vật nổ	23.183.000	23.183.000	0
17	Chi phí đánh giá tác động môi trường	201.723.000	201.723.000	0
18	Chi phí kiểm định chất lượng công trình trong quá trình thi công	2.000.000.000	2.000.000.000	0
19	Chi phí Tư vấn quan trắc và giám sát môi trường trong thi công	100.000.000	100.000.000	0
20	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi sử dụng	200.000.000	200.000.000	0
V	Chi phí khác	12.975.486.000	12.975.486.000	0
1	Chi phí kiểm toán độc lập	1.376.694.000	1.376.694.000	0
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	433.540.000	433.540.000	0
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình (phần đường, chiếu sáng)	201.307.000	201.307.000	0
4	Chi phí bảo hiểm công trình cầu cấp II	2.422.234.000	2.422.234.000	0

STT	Hạng mục chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	74.835.000	74.835.000	0
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	42.260.000	42.260.000	0
7	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	20.859.000	20.859.000	0
8	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính)	658.000.000	658.000.000	0
9	Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng	3.500.000.000	3.500.000.000	0
10	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công cầu (02 cầu)	1.800.000.000	1.800.000.000	0
11	Chi phí đảm bảo giao thông trong thi công nút giao với QL.45	478.842.000	478.842.000	0
12	Chi phí xây dựng trạm trộn bê tông; di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến, ra khỏi công trường	1.695.000.000	1.695.000.000	0
13	Chi phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	16.000.000	16.000.000	0
14	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	255.915.000	255.915.000	0
VI	Chi phí dự phòng	76.869.852.000	76.869.852.000	0
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh	50.268.315.000	50.268.315.000	0
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	26.601.537.000	26.601.537.000	0
TỔNG CỘNG		818.000000.000	818.000000.000	0